

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng

2. Ông Phan Vũ Anh Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10/01/2022, về: “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn H**, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở: Khu phố 9, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kiều D là vợ chồng, anh chị tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 1986, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H (cũ) nay là phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Vợ chồng cũng có hoà giải với nhau nhưng không có kết quả, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo

dài và hiện nay tình cảm của anh đối với chị D không còn. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau. Nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều D.

Về con chung: Giữa anh và chị D có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Thuỳ N, sinh năm: 1987 và cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh năm: 1988. Các con chung hiện đã thành niên, có khả năng tự lao động, nên anh không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với chị D nhưng chị D không chấp hành.

Ngày 30/5/2022 chị D có đơn xin giải quyết vắng mặt gửi đến Toà án nhân dân thị xã L. Theo đơn xin giải quyết vắng mặt, thì chị D xác nhận vợ chồng không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Toà án có mời chị đến làm việc nhưng chị không đến với lý do chị theo Đạo Thiên Chúa nên chị không đồng ý ly hôn, Toà án giải quyết vụ án theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Anh Lê Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Anh Lê Văn H nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn," đối với chị Nguyễn Thị Kiều D. Bị đơn là chị D có nơi cư trú tại khu phố 4, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Anh Lê Văn H, chị Nguyễn Thị Kiều D đều có đơn xin giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Kiều D đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H (cũ) nay là phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, Quyền số: 01, đăng ký ngày 15/8/1986, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện tại, anh chị không còn sống chung, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị D cũng đã xác nhận vợ chồng đã không sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay, lý do chị không đồng ý ly hôn là vì chị theo đạo Thiên Chúa. Anh chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh Hùng và chị D, tại phường B, thị xã L đều thể hiện: *“Vợ chồng anh H, chị D có phát sinh mâu thuẫn, việc hàn gắn là rất khó, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh Hùng”*. Từ những căn cứ trên, nhận thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các con của anh chị đã thành niên, có khả năng tự lao động lo cho bản thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lê Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Kiều D.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0004768, ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Anh Lê Văn H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn H và chị Nguyễn Thị Kiều D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Dương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn: UBND phường B, thị xã L;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Từ Quốc Thái Bình

Các Thành Viên Hội Đồng Xét Xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình

**Nơi nhận:*

- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Đương sự;*
- *Nơi đăng ký kết hôn: UBND*
phường B, thị xã L;
- *Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình